

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CL  
TỈNH ĐT**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DS-ST.

Ngày: 30-10-2020.

*V/v Tranh chấp dân sự - Hợp  
đồng tặng cho quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm P Tâm;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh ĐT.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tèo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và ngày 30/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 728/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp dân sự hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241A/2020/QĐXXST- DS ngày 07/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2020/QĐST – DS ngày 23/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Cụm dân cư MT, khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh ĐT.

Bị đơn: Nguyễn Thành V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khóm Mỹ Phú Đất Liền, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh ĐT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 192, tổ 4, khóm Mỹ Phú Đất Liền, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh ĐT.

2/ Bà Nguyễn Thị Liêng, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 13, tổ 11, khóm 2, phường 6, thành phố CL, tỉnh ĐT.

3/ Ông Nguyễn Quan T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 4, khóm Mỹ Phú Đất Liền, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh ĐT.

4/ Bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị Bé Bảy), sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp H Bình, xã Tân H, huyện Lai Vung, tỉnh ĐT.

5/ Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Tịnh Mỹ, xã Tịnh Thới, thành phố CL, tỉnh ĐT.

6/ Ủy Bn nhân dân huyện CL.

Địa chỉ: Khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh ĐT.

7/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khóm Mỹ Phú Đất Liền, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh ĐT.

8/ Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp H Dân, xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT.

9/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 30, tổ 4, Khóm Mỹ Phú Đất Liền, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh ĐT.

(Bà M, anh V, ông H, bà P, bà Liêng, ông P có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn trình bày:**

Cha mẹ bà M là ông Nguyễn Văn Năm (mất năm 2011) và bà Huỳnh Thị Mới (mất năm 1996) có 08 người con, gồm: Nguyễn Thị Liêng, Nguyễn Văn B, Nguyễn Quan T, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Thủy (đã chết), Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị M.

Lúc còn sống, cha mẹ bà M có cho bà diện tích đất 1.300m<sup>2</sup> thuộc thửa 1274 cùng tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp H Dân, xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT. Tại thời điểm xác định việc được tặng cho quyền sử dụng đất có chỉ vị trí nhưng không lập thành văn bản và các anh em trong gia đình đều biết. Phần đất này nằm trong tổng diện tích đất 21.260m<sup>2</sup> của ông Huỳnh Văn Kiểng và bà Lê Thị Tú (là cha mẹ của bà Huỳnh Thị Mới) cho ông Năm và bà Mới vào năm 1956.

Năm 2011, do ông Nguyễn Văn Năm không nhận thức được hành vi của mình nên ông Nguyễn Thanh H lừa dối ký hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích đất 21.260m<sup>2</sup> cho anh Nguyễn Thành V (là con ông H), trong đó có phần diện tích mà bà M được tặng cho. Anh V đã được UBND huyện CL cấp 03 Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 10/10/2012.

Năm 2012, bà M có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu anh V tách diện tích đất 1.300m<sup>2</sup> để sử dụng. Tại biên bản H giải ngày 17/7/2012, anh V đồng ý tách QSDĐ và giao cho bà M. Tuy nhiên, anh V vẫn không thực hiện thủ tục tách thửa đất nói trên cho bà M.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Công nhận cho bà Nguyễn Thị M được đứng tên QSDĐ diện tích 1.300m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1274, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp H Dân, xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT.

Bà M thống nhất sơ đồ đo đạc và biên bản định giá của Tòa án.

**Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Thành V trình bày:**

Ngày 23/11/2010 ông Nguyễn Thành V được ông Nguyễn Văn Năm tặng cho phần diện tích đất 21.260m<sup>2</sup>, thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp H Dân, xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT. Tại Biên bản H giải ngày 17/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện CL, anh V có đồng ý tách quyền sử dụng đất phần diện tích đất là 1.300m<sup>2</sup> trong phần đất trên cho bà Nguyễn Thị M, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa thực hiện được. Sau đó, anh V đã tặng cho quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Thanh H. Năm 2019, ông H đã chuyển cho bà Nguyễn Thị P toàn bộ thửa 1274, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp H Dân, xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT, Bo gồm diện tích đã hứa cho bà M. Hiện nay, bà P đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Do có mối quan hệ là cô cháu ruột và thấy hoàn cảnh bà M khó khăn nên vào năm 2012, anh V mới hứa tặng cho quyền sử dụng đất. Hiện nay phần đất trên không còn nhưng anh V vẫn đồng ý tặng cho bà M số tiền là 76.000.000 đồng, thay cho phần đất trên.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn B trong quá trình giải quyết có ý kiến trình bày:** Ông B là con lớn của ông Năm và bà Mới. Khi ông Năm làm hợp đồng tặng cho phần diện tích đất cho anh V chỉ có ông H biết. Tại Biên bản H giải ngày 17/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện CL, anh V có đồng ý tách quyền sử dụng đất phần diện tích đất là 1.300m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp H Dân, xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT cho bà Nguyễn Thị M, nhưng V không thực hiện. Nay yêu cầu anh V phải thực hiện việc tách quyền sử dụng đất trên cho bà M.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị Bé Bảy) trong quá trình giải quyết có ý kiến trình bày:** Tại Biên bản H giải ngày 17/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện CL, anh V có đồng ý tách quyền sử dụng đất phần diện tích đất là 1.300m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp H Dân, xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT cho bà Nguyễn Thị M nhưng V không thực hiện. Nay yêu cầu anh V phải thực hiện việc tách quyền sử dụng đất trên cho bà M.

**Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Liêng có ý kiến trình bày:** Bà Liêng là cô ruột của anh V, là chị ruột của bà M. Năm 2012, phần đất trên anh V đã đứng tên, anh V có hứa tặng cho bà M 1.300m<sup>2</sup> nhưng anh V không thực hiện. Bà Liêng không có yêu cầu gì trong vụ án.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quan T vắng mặt, trong quá trình giải quyết không có ý kiến trình bày.**

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng N vắng mặt, trong quá trình giải quyết không có ý kiến trình bày.**

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy Bn nhân dân huyện CL có đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình giải quyết không có ý kiến trình bày.**

**Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị P có ý kiến trình bày:** Bà P là con ruột của ông Nguyễn Quan T (là bác ruột của Nguyễn Thành V, là anh ruột của bà

M). Tháng 8/2018, bà P có nhận chuyển nhượng của anh V diện tích đất 12.269m<sup>2</sup>, thửa đất 1274, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT. Thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ B trăm triệu đồng). Đến ngày 26/7/2019 bà P đã trả đủ tiền cho anh V và được Sở Tài nguyên Môi trường Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà P khi nhận chuyển nhượng không biết phần đất trên đang bị bà M tranh chấp. Bà P đã nhận chuyển nhượng hợp pháp, việc bà M và anh V tranh chấp bà không đồng ý giao đất lại cho bà M. Bà P không tranh chấp gì với anh V trong vụ án này, nếu có bà yêu cầu trong một vụ án khác.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P có ý kiến trình bày:** Khi ông Năm làm hợp đồng tặng cho phần diện tích đất cho anh V thì trong gia đình chỉ có ông H biết. Tại Biên bản H giải ngày 17/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện CL, anh V có đồng ý tách quyền sử dụng đất phần diện tích đất là 1.300m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp H Dân, xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT cho bà Nguyễn Thị M, nhưng V không thực hiện.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H có ý kiến trình bày:** Ông H là cha ruột của anh V là anh ruột của bà M. Phần đất của bà M và anh V đang tranh chấp trước đây do ông Năm tặng cho anh V, sau đó tặng cho lại cho ông H. Năm 2019 ông chuyển nhượng cho bà P, đất hiện nay do ông thuê lại của bà P để canh tác. Đối với yêu cầu của bà M yêu cầu anh V, ông không có yêu cầu hay ý kiến gì. Không tranh chấp gì với anh V và bà P, nếu có phát sinh sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định nên không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chấp nhận sự tự nguyện của anh V về việc đồng ý tặng cho bà M 76.000.000 đồng.

Vì nguồn gốc sử dụng đất trên là của ông Nguyễn Văn Năm tặng cho ông Nguyễn Thành V. Sau đó, anh V đã làm thủ tục tặng cho ông Nguyễn Văn H. Ông H làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị P và bà P đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, khi anh V thỏa thuận tách quyền sử dụng đất 1.300m<sup>2</sup> cho bà M tại biên bản H giải ngày 17/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện CL nên bà M rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ ngày thỏa thuận cho đến nay các bên chưa thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật. Mặc dù thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất là sự tự thỏa thuận, nhưng anh V đã thay đổi ý kiến không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho bà M trong khi không có văn bản pháp lý nào ràng buộc ông phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trên cho bà M.

**Tài liệu chứng cứ theo hồ sơ:**

- Biên bản H giải ngày 17/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện CL (Photo);

- Biên bản định giá ngày 09/6/2020 (bản chính).
- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2020 (bản chính).
- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/8/2020 (bản chính).
- Sơ đồ đo đạc ngày 26/3/2020 (bản chính).
- Sơ đồ đo đạc ngày 27/8/2020 (bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà M yêu cầu được công nhận 1.300m<sup>2</sup> nhưng xuất phát việc công nhận này là thỏa thuận việc tặng cho, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Quan T, Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Hồng N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, Ủy Bn nhân dân huyện CL có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà M yêu cầu anh V thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất theo biên bản ngày 17/7/2012 có diện tích đất 1.300m<sup>2</sup> thuộc thửa 1274, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại xã Nhị Mỹ, huyện CL trong phạm vi các mốc M1- M2 – M6 – M5 đến mốc M1 (theo sơ đồ đo đạc ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện CL), Hội đồng xét xử nhận định:

[5] Nguồn gốc đất: Đất tranh chấp tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Năm là ông nội của anh V tặng cho ngày 23/11/2010, nội dung này được bà M thừa nhận. Anh V thỏa thuận tặng cho ông H phần đất thuộc thửa 1274 trong đó Bo gồm diện tích 1.300m<sup>2</sup> mà anh V hứa tặng cho bà M. Việc tặng cho giữa anh V và ông H đã thực hiện đúng trình tự theo quy định pháp luật. Năm 2019, ông H chuyển nhượng tất cả phần đất trên cho bà P và đã được cấp giấy chứng nhận ngày 26/7/2019.

[6] Năm 2012, bà M và các anh em trong gia đình có khởi kiện về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất. Tại biên bản H giải ngày 17/7/2012, anh V thống nhất tách 1.300m<sup>2</sup> đất là tài sản riêng của anh V để tặng cho bà M, không nêu cụ thể vị trí thửa đất trên là thửa đất nào.

[7] Từ năm 2012 đến nay, các bên cũng không thực hiện việc đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai. Ngoài biên bản thỏa thuận về tài sản trên, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận không còn văn bản nào khác có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển quyền sử dụng phần đất trên cho bà M. Bên cạnh đó, bà M chưa từng quản lý, sử dụng phần đất trên.

[8] Hợp đồng tặng cho chưa thực hiện về mặt hình thức và nội dung. Ngoài ra, phần diện tích đất trên đã được bà P nhận chuyển nhượng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Bà P không đồng ý yêu cầu của bà M. Anh V cho rằng cuộc sống gặp nhiều khó khăn nên không đồng ý tiếp tục tặng cho quyền sử dụng đất trên cho bà M. Do không có văn bản pháp lý nào ràng buộc anh V phải thực hiện nghĩa vụ với bà M, nên yêu cầu của bà M là không có cơ sở.

[9] Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh V vẫn tự nguyện cho bà M số tiền 76.000.000 đồng là giá trị phần diện tích đã hứa tặng cho. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh V nên chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn tặng cho nguyên đơn số tiền 76.000.000 đồng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[11] Anh V, ông H và bà P không tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, nếu có phát sinh thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu không được chấp nhận số tiền  $(1.300\text{m}^2 \times 65.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.225.000 \text{ đồng})$  nhưng bà M thuộc trường hợp hộ cận nghèo nên được miễn nộp.

Ông Nguyễn Thành V phải nộp án phí dân sự số tiền cụ thể là 76.000.000 đồng  $\times 5\% = 3.800.000 \text{ đồng}$

Bà M phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản số tiền 3.825.000 đồng theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ Luật tố tụng dân sự, bà M đã chi xong. Tại phiên tòa, anh V tự nguyện nộp thay cho bà M, nên anh V phải có trách nhiệm trả lại bà M số tiền 3.825.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự; Điều 166, 167, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc yêu ông Nguyễn Thành V tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo biên bản H giải ngày 17/7/2012 là quyền sử dụng đất diện tích 1.300m<sup>2</sup> thuộc thửa 1274, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại xã Nhị Mỹ, huyện CL, tỉnh ĐT.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành V về việc tặng cho bà Nguyễn Thị M số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M được miễn nộp do thuộc trường hợp hộ cận nghèo.

Ông Nguyễn Thành V phải chịu án phí số tiền là 3.800.000 đồng (B triệu tám trăm nghìn đồng).

- Về chi phí tố tụng khác:

Ông Nguyễn Thành V tự nguyện nộp 3.825.000 đồng (B triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do bà M đã nộp và chi xong nên anh V có trách nhiệm trả lại cho bà M số tiền 3.825.000 đồng (B triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Thị Ngọc Minh**